

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Quản lý tài nguyên và môi trường

Trình độ đào tạo: Thạc sỹ

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Quản lý tài nguyên và môi trường
Tiếng Việt:	Quản lý tài nguyên và môi trường
Tiếng Anh:	Resource and Environment Management
Mã số học phần:	14015005
Thời điểm tiến hành:	
Loại học phần:	
<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp
Số tín chỉ:	2 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	18 tiết
Số tiết bài tập:	12 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	11 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	1 tiết
Thời gian tự học:	60 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ Môn Quản lý Tài nguyên và Môi trường

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần Quản lý tài nguyên và môi trường là học phần bắt buộc, cung cấp cho học viên các nội dung cơ bản, nâng cao, cốt lõi về quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường phục vụ phát triển bền vững, cụ thể các khái niệm cơ bản về tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là về các dịch vụ hệ sinh thái, môi trường tự nhiên, các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên, các hệ sinh thái, đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái cũng như các nguyên tắc, nội dung, cách tiếp cận toàn diện, hiện đại về quản lý tài nguyên và môi trường phục vụ phát triển bền vững.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho học viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Cung cấp được cho học viên những khái niệm, nội dung cơ bản, nâng cao, cốt lõi về tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là về các dịch vụ hệ sinh thái, môi trường tự nhiên, các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên, các hệ sinh thái, đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái cũng như các nguyên tắc, nội dung, cách tiếp cận toàn diện, hiện đại về quản lý tài nguyên và môi trường phục vụ phát triển bền vững.	ELO1, ELO2, ELO3
CG2	Học viên có được phương pháp luận về liên hệ giữa các tác động của con người tới môi trường và tài nguyên; trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp quản lý tài nguyên và môi trường, đặc biệt là phương thức quản lý tổng hợp theo cách tiếp cận hệ sinh thái để đảm bảo ngăn chặn xu thế ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên và các hệ sinh thái trong khi vẫn đảm bảo phát triển kinh tế xã hội, nâng cao mức sống và chất lượng sống của người dân.	ELO4, ELO5
CG3	Học viên có được cái nhìn toàn diện, tổng thể về các vấn đề tài nguyên và môi trường; trên cơ sở đó đảm bảo xây dựng được cách tiếp cận toàn diện, khoa học cả về tự nhiên và xã hội trong nghiên cứu khoa học và đề xuất các chính sách, pháp luật về quản lý tài nguyên và môi trường, học viên sẽ rèn luyện được tác phong học tập và làm việc chuyên nghiệp, kỹ năng giao tiếp trong việc học tập, nghiên cứu, tham vấn hoạch định chính sách trong quản lý tài nguyên và môi trường theo cách tiếp cận hệ sinh thái phục vụ phát triển bền vững.	ELO9, ELO10, ELO11, ELO12
CG4	Cung cấp cho học viên những nhận thức đúng về bản chất các vấn đề ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên và các hệ sinh thái, đa dạng sinh học cũng như các giải pháp quản lý tài nguyên, môi trường, các hệ sinh thái và đa dạng sinh học.	ELO6, ELO7, ELO8

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Ký hiệu	CĐR của học phần (CLOs) Hoàn thành học phần này, sinh viên có năng lực	
Kiến thức		
CELO1	Hiểu và trình bày được những kiến thức cơ bản, nâng cao về môi trường, tài nguyên thiên nhiên, hệ sinh thái, đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái.	ELO1, ELO2, ELO3
CELO2	Phân tích được mối quan hệ giữa những hoạt động của con người và các biến động của tài nguyên thiên nhiên, môi trường, các dịch vụ môi trường và hệ sinh thái; từ đó làm rõ các nguyên nhân gây suy thoái tài nguyên, môi trường và các hệ sinh thái.	ELO4, ELO5
Kỹ năng		
CELO3	Vận dụng được các kiến thức đã học để đề xuất được các chính sách nhằm quản lý các hoạt động của con người với mục đích sử dụng khôn ngoan, hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và các hệ sinh thái phục vụ phát triển bền vững.	ELO6, ELO7
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CELO4	Thể hiện khả năng làm việc độc lập, tích cực, chủ động sáng tạo.	ELO8, ELO9, ELO 11
CELO5	Có khả năng tự thực hiện những phần của một nghiên cứu độc lập hoặc tư vấn, thực thi các chính sách trong lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường.	ELO10, ELO12

Ma trận mối quan hệ giữa CĐR học phần (CELOs) và CĐR của CTĐT (ELOs)

CĐR học phần (CELOs)	CĐR của CTĐT											
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12
CELO1	H	H	H	L	L	L	L	L	L	L	L	L
CELO2	M	M	M	H	H	L	L	L	L	L	L	L
CELO3	L	L	L	L	M	H	H	L	L	L	L	L

CELO4	L	L	L	L	L	L	L	H	H	M	H	M
CELO5	L	L	L	L	L	L	L	L	L	H	L	H

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy:

Phương pháp giảng dạy áp dụng (đánh dấu vào phương pháp áp dụng):

- (1). Phương pháp thuyết trình (Lecturing)
- (2). Phương pháp động não (Brainstorming)
- (3). Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ (Think-pair-share)
- (4). Phương pháp học dựa trên vấn đề (Problem based learning)
- (5). Phương pháp hoạt động nhóm (Group based learning)
- (6). Phương pháp đóng vai (Role playing)
- (7). Phương pháp học dựa vào dự án (Project based learning)
- (8). Phương pháp mô phỏng (Simulation)
- (9). Nghiên cứu tình huống (Case studies)
- (10). Phương pháp tham quan thực tế (Fieldtrip/xem video)
- (11). Phương pháp Dạy học thông qua làm đồ án/ thực hành/thực tập

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 20%, bao gồm: ...

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

- Điểm đánh giá giữa kỳ:

+ Trọng số: 20%, bao gồm: ...

+ Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành Khác

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 60%, bao gồm: ...

+ Hình thức thi:

Tự luận Thuyết trình Tiểu luận Trắc nghiệm Thực hành Khác

5.2.2. Đánh giá học viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.Chuẩn bị theo chuyên đề TNMT chọn 3/Sau khi học chương 1-chương 6	Bài trình bày	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5	1 lần/Sau khi học xong Chương 2-6	Trình bày đúng yêu cầu	Thuyết trình ppt, theo nhóm	20%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa học kỳ/Sau khi học xong	Chương 1, Chương 2, Chương 3	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4	1 lần/Sau khi học xong	- Đúng kết quả và kiến thức căn bản.	Trắc nghiệm, cá nhân	20%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài báo cáo cuối khóa/cuối học kỳ	Chương 1-6	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5	1 lần/thời gian theo lịch thi của nhà trường	Đúng yêu cầu nội dung	Tiểu luận theo nhóm	60%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tiết	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	<p>Chương 1: TỔNG QUAN VỀ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG CỤ QUẢN LÝ TNMT HƯỚNG ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG</p>		
1-5	<p>A/ Các nội dung chính trên lớp:</p> <p>1.1. Tóm tắt mục đích, nội dung cơ bản của học phần.</p> <p>1.2. Tài nguyên thiên nhiên và suy thoái tài nguyên.</p> <p>1.3. Môi trường và các nguyên nhân gây ô nhiễm, suy thoái môi trường.</p> <p>1.4. Xu hướng thay đổi trong quản lý TNTN bền vững.</p> <p>1.5. Các công cụ quản lý môi trường</p> <p>1.6. vanhaƯớc lượng giá trị tài nguyên thiên nhiên.</p>	<p>- Thuyết giảng.</p> <p>- Hỏi đáp.</p>	<p>CELO1, CELO2, CELO4</p>
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <p>Đọc TLTK (tính giá nước đầy đủ)</p> <p>Đọc bài: Integrated natural resource management as pathway to poverty reduction: Innovating practices, institutions and policies</p>	<p>Học viên tự đọc bài theo định hướng của GV</p>	
	<p>Chương 2: QUẢN LÝ TỔNG HỢP TÀI NGUYÊN BIỂN ĐẢO</p>		
6-10	<p>A/ Các nội dung chính trên lớp:</p> <p>2.1. Khái niệm TN và môi trường biển đảo</p> <p>2.2. Quản lý tổng hợp TN và môi trường biển đảo</p> <p>2.3. Giải pháp</p>		<p>CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5</p>

Tiết	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	Chương 3: QUẢN LÝ TỔNG HỢP TÀI NGUYÊN NƯỚC		
11-15	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1. Các khái niệm cơ bản về tài nguyên nước 3.2. Đặc tính tài nguyên nước 3.3. Quản lý tổng hợp tài nguyên nước theo mô hình chi trả phí dịch vụ tài nguyên nước 3.4. Trường hợp nghiên cứu điển hình – mô hình phí dịch vụ tài nguyên môi trường nước.		CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
	Chương 4: QUẢN LÝ TỔNG HỢP TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN		
16-20	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.1. Khái niệm TN khoáng sản 4.2. Khai thác khoáng sản 4.3. Quản lý môi trường và khai thác khoáng sản 4.4. Giải pháp	- Thuyết giảng. - Hỏi đáp. - Tổ chức thảo luận nhóm: chủ đề vận dụng các phương pháp vào đánh giá và quy hoạch trong quản lý tài nguyên và môi trường.	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
	Chương 5: QUẢN LÝ TỔNG HỢP TÀI NGUYÊN RỪNG		
21-25	5.1. Các khái niệm cơ bản về tài nguyên Rừng 5.2. Đặc tính tài nguyên rừng 5.3. Các công cụ quản lý tài nguyên rừng (Kỹ thuật, CAC, kinh tế, khuyến khích) 5.4. Trường hợp nghiên cứu điển hình - Mô hình quản lý tài nguyên rừng (chứng chỉ rừng)		CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5

Tiết	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	Chương 6: QUẢN LÝ TỔNG HỢP TÀI NGUYÊN KHÔNG KHÍ		
26-30	A/ Các nội dung chính trên lớp: 6.1. Khái niệm TN không khí 6.2. Đặc điểm tài nguyên không khí 6.3. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến quản lý tài nguyên thiên nhiên 6.4. Giải pháp quản lý tổng hợp tài nguyên không khí 6.5. Trường hợp điển hình quản lý tài nguyên năng lượng (gió, mặt trời)		CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
	<i>Kiểm tra giữa kỳ</i>		
	<i>Nộp bài báo cáo cuối kỳ</i>		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần				
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5
Chương 1	H	H	L	H	M
Chương 2	H	H	H	H	M
Chương 3	H	H	H	H	H
Chương 4	H	H	H	H	H
Chương 5	H	H	H	H	H
Chương 6	H	H	H	H	H

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

- [1] Huỳnh Thu Hòa, Võ Văn Bé (2012), *Môi trường và con người*, NXB Đại học Cần Thơ.
- [2] Nguyễn Thế Chinh (2003), *Kinh tế và Quản lý môi trường*, NXB Hà Nội.
- Trương Hoàng Đan, Nguyễn Văn Bé (2013), *Quản lý môi trường*, NXB Đại học Cần Thơ.
- [3] Rodolphe Schlaepfer (1997), *Ecosystem-Based Management of Natural Resources: a Step Towards Sustainable Development*. IUFRO Occasional Paper No. 6. ISSN 1024-414X.
- [4] Julie Davidson, Michael Lockwood, Allan Curtis, Elaine Stratford and Rod Griffith (2006), *Governance Principles for Regional Natural Resource Management*, JD.

7.2. Tài liệu tham khảo:

- [1] Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh. (QĐ1393).
- [2] Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. (QĐ622).
- [3] Sound Resource Management Group (2009). *Environmental Life Cycle Assessment of Waste Management Strategies with a Zero Waste Objective*. Inc., Olympia, WA. (SRM).
- [4] Vandineanu, A (2011). *Sustainable Development: Theory and Practice Regarding the Transition of Socio - Economic System toward Sustainability*. UNESCO. (VA).
- [5] International Fund for Agricultural Development (2012) *Environmental and Natural Resource Management Policy*. (IFAD).
- [6] Cox, M., G. Arnold, and S. Villamayor Tomás (2010), *A review of design principles for community-based natural resource management*. *Ecology and Society* 15(4): 38. (CAT).
- [7] Kaggwa R. Natural resource governance in a changing world: challenges and opportunities. <http://greenwatch.or.ug/files/downloads/NATURAL%20RESOURCE%20GOVERNANCE%20IN%20A%20CHANGING%20WORLD.pdf>. (KR).
- [8] Newcome J., Provins A., Johns H., Ozdemiroglu, E., Ghazoul J., Burgess, D. (2005), **The Economic, Social and Ecological Value of Ecosystem Services: A Literature Review. A report prepared for The Department for Environment, Food and Rural Affairs** (Defra). (NJ).

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Học viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Học viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về tự học

Học viên trước và sau mỗi bài học trên lớp cần dành thời gian đọc bài, làm bài tập nhóm theo yêu cầu môn học

Học viên vắng 1 buổi học trên lớp tự học phần kiến thức vắng mặt và liên lạc với các bạn trong nhóm để học và bổ sung kiến thức

Học viên phải làm các bài tập cá nhân, bài tập nhóm và nộp cho giảng viên đúng thời hạn quy định.

8.4. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

8.5. Quy định phản hồi thông tin

Học viên tham gia phản hồi ý kiến về hoạt động giảng dạy của giảng viên về môn học và chất lượng đào tạo của khoa theo đường link sau đây vào cuối kỳ.

<https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLScwei1Az3E-s1pLTDfwqjAshALX4Vz5b61jcCmYgH>

...

9. Giảng viên giảng dạy môn học:

- Nhóm giảng viên giảng dạy môn học: PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Hà – PGS.TS Nguyễn Đình Tuấn – PGS.TS. Hoàng Thị Thanh Thủy – TS. Nguyễn Thị Kim.

- Địa điểm liên lạc: Văn phòng Khoa Môi Trường – Phòng B211 – Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Tp.HCM - 236 B Lê Văn Sỹ - Phường 01 – Quận Tân Bình – Tp HCM.

10. Ngày phê duyệt:

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Hà

TS. Nguyễn Lữ Phương

**PGS.TS. Nguyễn Thị
Vân Hà**